

2.2.3. Về thái độ

- Tham dự giờ giảng đầy đủ, nghe giảng, tự học, tự nghiên cứu tài liệu bắt buộc và tham khảo để vận dụng kiến thức nhằm làm bài tập và thảo luận theo nhóm có hiệu quả.

- Có ý thức tự học để đạt được hiệu quả đọc hiểu cao.

3. Chuẩn đầu ra (CLO)

Bảng 1. Chuẩn đầu ra của học phần

Sau khi học xong học phần, sinh viên có khả năng:

Ký hiệu CLO	Nội dung CLO
CLO1	Hiểu được các phương pháp được sử dụng trong thống kê học
CLO2	Ứng dụng các chỉ tiêu thống kê trong việc nhận dạng, phân tích, giải quyết tốt các vấn đề và tình huống phát sinh trong thực tiễn hoạt động của doanh nghiệp
CLO3	Phát triển kỹ năng làm việc độc lập, tư duy phản biện, có khả năng phối hợp và làm việc theo nhóm hiệu quả.
CLO4	Sử dụng thành thạo công cụ thống kê phục vụ công tác quản trị kinh doanh

4. Mối liên hệ giữa chuẩn đầu ra học phần (CLO) và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLO)

Mức độ đóng góp, hỗ trợ của CLO để đạt được PLO được xác định cụ thể qua bảng sau:

Bảng 2. Mối liên hệ giữa CLO và PLO

PLO	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
CLO 1	M	M			M				I	M		
CLO 2	M	M	M		M		M					I
CLO 3											R	
CLO 4	M	M		R			R	I	R	M	M	
Tổng hợp học phần	M	M	M	R	M		M	I	R	M	M	I

Ghi chú: I: mức giới thiệu/bắt đầu; R: mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế, ...; M: mức thuần thục/thông hiểu; A: hỗ trợ tối đa việc đạt được PLO, cần được thu thập minh chứng để đánh giá CDR CTĐT.

5. Đánh giá

a. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá

Bảng 3. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của SV

Thành phần đánh giá	Trọng số	Bài đánh giá	Trọng số con	Rubric (đánh dấu X nếu có)	Lquan đến CDR nào ở bảng 1	Hướng dẫn phương pháp đánh giá
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
A1. Chuyên cần, thái độ (CCTĐ)	10%			x	CLO3, CLO4	Đánh giá theo Rubric 1
A2. Kiểm tra thường xuyên (KTTX)	30%	A2.1. Tuần 5: Chương 1 và chương 2	30%	x	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4	Đánh giá theo Rubric 3
		A2.2. Tuần 10: Chương 3 và chương 4	30%	x	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4	
		A2.3. Tuần 15: Chương 5 và chương 6	40%	x	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4	
A3. Đánh giá cuối kỳ	60%	Bài thi cuối kỳ: Viết		x	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4	Theo thang điểm 10 dựa trên đáp án được thiết kế sẵn

Ghi chú: Tùy theo yêu cầu, đặc điểm của từng học phần, bộ môn có thể điều chỉnh thành phần và trọng số, trọng số con của các thành phần đánh giá. Tuy nhiên, phải đảm bảo đánh giá cuối kỳ không dưới 50%.

b. Yêu cầu đối với học phần: Sinh viên phải tham dự $\geq 80\%$ số buổi của HP. Nếu nghỉ $> 20\%$ số buổi sẽ không được dự thi kết thúc HP.

6. Kế hoạch và nội dung giảng dạy

Bảng 4. Kế hoạch và nội dung giảng dạy theo tuần

Tuần/ Buổi (3 tiết/b)	Các nội dung cơ bản của bài học (chương) (đến 2 số)	Số tiết (LT/ TH/ TT)	CDR của bài học (chương)/ chủ đề	Lquan đến CDR nào ở bảng 1	<i>PP giảng dạy, tài liệu và cơ sở vật chất, thiết bị cần thiết để đạt CDR</i>	<i>Hoạt động học của SV(*)</i>	<i>Tên bài đánh giá (ở cột 3 bảng 3)</i>
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	Chương 1: Giới thiệu về thống kê học 1.1 Thống kê học là gì 1.2 Các khái niệm thường dùng trong thống kê	3 LT	1.1. Nắm được khái niệm về thống kê học 1.2. Nắm được những khái niệm thường được dùng trong thống kê	CLO1	GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để thuyết giảng, giải thích cụ thể, câu hỏi gợi mở	- Phần chuẩn bị ở nhà: Đọc trước nội dung (Chương 1) (tài liệu [1]) và đọc thêm tài liệu [2], [3], [4] - Phần chuẩn bị trên lớp: trả lời câu hỏi	
2	Chương 1: Tiếp theo 1.3 Quá trình nghiên cứu thống kê	3 LT	1.3. Nắm được quá trình nghiên cứu thống kê 1.4. Các loại thang đo trong thống kê	CLO1	GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để thuyết giảng, giải thích cụ thể, câu hỏi gợi mở	- Phần chuẩn bị ở nhà: Đọc trước nội dung (Chương 1,2 tài liệu [1]) và đọc thêm tài liệu [2], [3], [4]	

	<p>1.4 Các loại thang đo trong thống kê</p> <p>Chương 2: Mô tả dữ liệu bằng các đặc trưng thống kê</p> <p>2.1. Số tuyệt đối</p> <p>2.2. Số tương đối</p>		<p>2.1. Hiểu được bản chất của số tuyệt đối và số tương đối</p>			<p>- Phần chuẩn bị trên lớp: trả lời câu hỏi, thảo luận nhóm, làm bài tập</p>	
3	<p>Chương 2: Tiếp theo</p> <p>2.3 Chỉ tiêu bình quân</p> <p>2.4 Mốt</p> <p>2.5 Số trung vị</p> <p>2.6 Độ biến thiên của tiêu thức</p>	3 LT	<p>2.2. Nắm được định nghĩa, ý nghĩa, đặc điểm và cách tính của các chỉ tiêu bình quân, mốt, trung vị, độ biến thiên của tiêu thức</p>	<p>CLO1</p> <p>CLO2</p> <p>CLO3</p> <p>CLO4</p>	<p>GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để thuyết giảng, giải thích cụ thể, câu hỏi gợi mở</p>	<p>- Phần chuẩn bị ở nhà: Đọc trước nội dung (Chương 2) (tài liệu [1]) và đọc thêm tài liệu [2], [3], [4]</p> <p>- Phần chuẩn bị trên lớp: trả lời câu hỏi, thảo luận nhóm, làm bài tập</p>	
4	<p>Chương 2: tiếp theo</p> <p>Bài tập</p>	3BT	<p>2.3. Tính được các chỉ tiêu bình quân, mốt, trung vị, độ biến thiên của tiêu thức</p>	<p>CLO1</p> <p>CLO2</p> <p>CLO3</p> <p>CLO4</p>	<p>GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để thuyết giảng, giải thích cụ thể, câu hỏi gợi mở</p>	<p>- Phần chuẩn bị ở nhà: học lại các nội dung ở buổi học trước</p> <p>- Phần chuẩn bị trên lớp: làm bài tập</p>	A2.1
5	<p>Chương 3: Phương pháp chỉ số</p>	3 LT	<p>3.1 Nắm được các nội dung về phương pháp</p>	<p>CLO1</p> <p>CLO2</p>	<p>GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và</p>	<p>- Phần chuẩn bị ở nhà:</p>	

	<p>3.1 Tổng quan về phương pháp chỉ số</p> <p>3.2 Phương pháp xác định chỉ số</p>		<p>chỉ số và các phương pháp xác định chỉ số</p>	<p>CLO3</p> <p>CLO4</p>	<p>projector để thuyết giảng, giải thích cụ thể, câu hỏi gợi mở</p>	<p>Đọc trước nội dung (Chương 3) (tài liệu [1]) và đọc thêm tài liệu [2], [3], [4]</p> <p>- Phần chuẩn bị trên lớp: trả lời câu hỏi, thảo luận nhóm, làm bài tập</p>	
6	<p>Chương 3: Tiếp theo</p> <p>3.3 Hệ thống chỉ số</p> <p>3.4 Phân tích biến động của chỉ tiêu bình quân</p>	3 LT	<p>3.2. Nắm được các nội dung về hệ thống chỉ số, phân tích biến động của chỉ tiêu bình quân</p>	<p>CLO1</p> <p>CLO2</p> <p>CLO3</p> <p>CLO4</p>	<p>GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để thuyết giảng, giải thích cụ thể, câu hỏi gợi mở</p>	<p>- Phần chuẩn bị ở nhà: Đọc trước nội dung (Chương 3) (tài liệu [1]) và đọc thêm tài liệu [2], [3], [4]</p> <p>- Phần chuẩn bị trên lớp: trả lời câu hỏi, thảo luận nhóm, làm bài tập</p>	
7	<p>Chương 3: Tiếp theo</p> <p>Bài tập</p>	3BT	<p>3.3. Tính được các chỉ số, hệ thống chỉ số và chỉ tiêu bình quân, phân tích được sự biến động của các chỉ số</p>	<p>CLO1</p> <p>CLO2</p> <p>CLO3</p> <p>CLO4</p>	<p>GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để thuyết giảng, giải thích cụ thể, câu hỏi gợi mở</p>	<p>- Phần chuẩn bị trên lớp: làm bài tập</p>	

8	<p>Chương 4: Dãy số thời gian</p> <p>4.1 Dãy số thời gian</p> <p>4.2 Các thành phần của dãy số thời gian</p>	3 LT	4.1. Nắm được những nội dung cơ bản về dãy số thời gian	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để thuyết giảng, giải thích cụ thể, câu hỏi gợi mở	<p>- Phần chuẩn bị ở nhà: Đọc trước nội dung (Chương 4) (tài liệu [1]) và đọc thêm tài liệu [2], [3], [4]</p> <p>- Phần chuẩn bị trên lớp: trả lời câu hỏi, thảo luận nhóm, làm bài tập</p>	
9	<p>Chương 4: Tiếp theo</p> <p>4.3 Các mức độ mô tả dãy số thời gian</p> <p>4.4 Các phương pháp biểu hiện xu hướng biến động của dãy số thời gian</p>	2 LT 1BT	4.3. Nắm được các mức độ của dãy số thời gian, và các phương pháp biểu hiện xu hướng biến động của dãy số thời gian 4.4. Tính được các mức độ của dãy số thời gian	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để thuyết giảng, giải thích cụ thể, câu hỏi gợi mở	<p>- Phần chuẩn bị ở nhà: Đọc trước nội dung (Chương 4) (tài liệu [1]) và đọc thêm tài liệu [2], [3], [4]</p> <p>- Phần chuẩn bị trên lớp: trả lời câu hỏi, thảo luận nhóm, làm bài tập</p>	
10	<p>Chương 4: Tiếp theo</p> <p>Bài tập</p> <p>Chương 5: Thống kê lao động vào tiền lương trong doanh nghiệp</p>	2BT 1LT	5.1 Nắm được ý nghĩa và tác động của lao động, tiền lương và	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để thuyết giảng, giải thích cụ thể, câu hỏi gợi mở	<p>- Phần chuẩn bị ở nhà: Đọc trước nội dung (Chương 5) và đọc thêm tài liệu [2], [3], [4]</p>	A2.2

	5.1 Ý nghĩa, tác dụng của lao động, tiền lương và nhiệm vụ của thống kê		nhiệm vụ của thống kê học			- Phần chuẩn bị trên lớp: trả lời câu hỏi, thảo luận nhóm, làm bài tập	
11	Chương 5: Tiếp theo 5.2 Thống kê số lượng lao động của doanh nghiệp 5.3 Thống kê năng suất lao động trong doanh nghiệp 5.4 Thống kê tiền lương	3 LT	5.2. Nắm được những nội dung cơ bản về phương pháp thống kê số lượng lao động, năng suất lao động và tiền lương	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để thuyết giảng, giải thích cụ thể, câu hỏi gợi mở	- Phần chuẩn bị ở nhà: Đọc trước nội dung (Chương 5) (tài liệu [1]) và đọc thêm tài liệu [2], [3], [4] - Phần chuẩn bị trên lớp: trả lời câu hỏi	
12	Chương 5: Tiếp theo	1 LT 2BT	5.3. Vận dụng tính các chỉ tiêu về lao động và tiền lương trong doanh nghiệp	CLO2	GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để thuyết giảng, giải thích cụ thể, câu hỏi gợi mở	- Phần chuẩn bị trên lớp: làm bài tập	
13	Chương 5: Tiếp theo 5.3 (tiếp theo) Chương 6: Thống kê tài sản cố định của doanh nghiệp	1 BT 2 LT	5.3. Vận dụng tính các chỉ tiêu về lao động và tiền lương trong doanh nghiệp	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để thuyết giảng, giải thích cụ thể, câu hỏi gợi mở	- Phần chuẩn bị ở nhà: Đọc trước nội dung (Chương 6) (tài liệu [1]) và đọc thêm tài liệu [2], [3], [4]	

	<p>6.1 Ý nghĩa và nhiệm vụ của thống kê tài sản cố định.</p> <p>6.2 Phân loại tài sản cố định</p>		<p>6.1. Nắm được những nội dung cơ bản liên quan đến tài sản cố định</p>			<p>- Phân chuẩn bị trên lớp: trả lời câu hỏi, thảo luận nhóm, làm bài tập</p>	
14	<p>Chương 6: Tiếp theo</p> <p>6.3 Thống kê số lượng, kết cấu, hiện trạng tài sản cố định</p> <p>6.4 Các chỉ tiêu phản ánh hiện trạng sử dụng TSCĐ</p> <p>6.5 Tình hình biến động, trang bị và hiệu quả sử dụng TSCĐ</p>	3 LT	<p>6.2. Nắm được những nội dung cơ bản về số lượng, kết cấu, hiện trạng tài sản cố định</p> <p>6.3. Các chỉ tiêu phản ánh hiện trạng sử dụng TSCĐ</p> <p>6.4 Tình hình biến động, trang bị và hiệu quả sử dụng TSCĐ</p>	<p>CLO1</p> <p>CLO2</p> <p>CLO3</p> <p>CLO4</p>	<p>GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để thuyết giảng, giải thích cụ thể, câu hỏi gợi mở</p>	<p>- Phân chuẩn bị ở nhà: Đọc trước nội dung (Chương 6) (tài liệu [1]) và đọc thêm tài liệu [2], [3], [4]</p> <p>- Phân chuẩn bị trên lớp: trả lời câu hỏi, thảo luận nhóm, làm bài tập</p>	
15	<p>Chương 6: Tiếp theo</p> <p>Bài tập</p>	3 BT	<p>6.5. Tính được các chỉ tiêu về tài sản cố định trong doanh nghiệp</p>	<p>CLO1</p> <p>CLO2</p> <p>CLO3</p> <p>CLO4</p>	<p>GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để thuyết giảng, giải thích cụ thể, câu hỏi gợi mở</p>	<p>- Phân chuẩn bị trên lớp: làm bài tập</p>	A2.3

Theo lịch thi	Kiểm tra cuối kì						A3
---------------------	------------------	--	--	--	--	--	----

7. Học liệu

Bảng 5. Sách, giáo trình, tài liệu tham khảo

TT	Tên tác giả	Năm XB	Tên sách, giáo trình, tên bài báo, văn bản	NXB, tên tạp chí/ nơi ban hành VB
Giáo trình chính				
1	Lê Khắc Hoài Thanh	2021	Bài giảng Thống kê kinh doanh	Lưu hành nội bộ, Trường Đại học Quảng Bình.
Sách, giáo trình tham khảo				
2	Nguyễn Công Nhựt	2003	Giáo trình thống kê doanh nghiệp	NXB Thống kê
3	Hồ Sỹ Chi	2000	Thống kê doanh nghiệp	NXB Tài chính
4	Phạm Ngọc Kiểm	2002	Giáo trình thống kê doanh nghiệp	NXB LĐ-XH

8. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy

Bảng 6. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy

TT	Tên giảng đường, PTN, xưởng, cơ sở TH	Danh mục trang thiết bị, phần mềm chính phục vụ TN, TH		Phục vụ cho nội dung Bài học/Chương
		Tên thiết bị, dụng cụ, phần mềm,...	Số lượng	
1	Giảng đường A/C	Projector, máy tính cá nhân	1	Tất cả các chương

9. Rubric đánh giá

Đánh giá chuyên cần (Attendace Check): Rubric 1

Rubric 1: Chuyên cần (Class Attendace)

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	MỨC F (0-3.9)	MỨC D (4.0-5.4)	MỨC C (5.5-6.9)	MỨC B (7.0-8.4)	MỨC A (8.5-10)	
Chuyên cần	Không đi học (<30%).	Đi học không chuyên cần (<50%).	Đi học khá chuyên cần (<70%).	Đi học chuyên cần (<90%).	Đi học đầy đủ, rất chuyên cần (>=90 %).	50%
Đóng góp tại lớp	Không tham gia hoạt động gì tại lớp	Hiếm khi tham gia phát biểu, đóng góp cho bài học tại lớp. Đóng góp không hiệu quả.	Thỉnh thoảng tham gia phát biểu, trao đổi ý kiến tại lớp. Phát biểu ít khi có hiệu quả.	Thường xuyên phát biểu và trao đổi ý kiến liên quan đến bài học. Các đóng góp cho bài học là hiệu quả.	Tham gia tích cực các hoạt động tại lớp: phát biểu, trao đổi ý kiến liên quan đến bài học. Các đóng góp rất hiệu quả.	50%

Đánh giá bài tập (Work Assignment): Rubric 3**Rubric 3: Bài tập (Work Assignment)**

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	MỨC F (0-3.9)	MỨC D (4.0-5.4)	MỨC C (5.5-6.9)	MỨC B (7.0-8.4)	MỨC A (8.5-10)	
Nộp bài tập	Không nộp bài tập hoặc hoàn thành <30% khối lượng công việc được giao	Nộp bài tập hoàn thành <50% khối lượng công việc được giao. Chưa đúng thời gian quy định.	Nộp bài tập hoàn thành <70% khối lượng công việc được giao. Một số bài tập nộp chưa đúng thời gian quy định.	Nộp bài tập hoàn thành <90% khối lượng công việc được giao. Hầu hết bài tập nộp đúng thời gian quy định.	Nộp bài tập đầy đủ >=90% số lượng được giao). Đúng thời gian quy định.	20%
Trình bày bài tập	Kém	Còn rất nhiều lỗi	Còn nhiều lỗi	Tương đối tốt	Rất tốt	30%
Nội dung bài tập	Không có bài tập	Nội dung bài tập không đầy đủ, một số không đúng theo yêu cầu nhiệm vụ.	Nội dung bài tập đầy đủ, đúng với yêu cầu nhiệm vụ nhưng chưa hợp lý. Còn một số sai sót.	Nội dung bài tập đầy đủ, hợp lý, đúng theo yêu cầu nhiệm vụ. Nội dung đúng, rõ ràng.	Nội dung bài tập đầy đủ, hợp lý, đúng theo yêu cầu nhiệm vụ. Tính toán logic, chi tiết và rõ ràng, hoàn toàn hợp lý.	50%

Đánh giá kiểm tra viết (Written Exam): Theo thang điểm 10 dựa trên đáp án được thiết kế sẵn

Quảng Bình, ngày....tháng....năm 2021

Trưởng khoa

Trưởng bộ môn

Người biên soạn

BIÊN BẢN NGHIỆM THU ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Tên học phần: **THỐNG KÊ KINH DOANH (BUSINESS STATISTICS)**

Mã học phần: KTNLTK.009

Số tín chỉ: 03

Trình độ đào tạo: Đại học

Đối tượng đào tạo: Sinh viên Đại học ngành QTKD

Hệ chính quy

1. Thông tin hoạt động nghiệm thu:

Thời gian nghiệm thu: phút ngày tháng năm 20

Địa điểm nghiệm thu: Văn phòng Khoa Kinh tế - Du lịch

Thành phần và nhiệm vụ của thành viên Hội đồng nghiệm thu:

- | | |
|------------------------------|-------------------|
| 1. ThS. Phan Thị Thu Hà | Chủ tịch hội đồng |
| 2. TS. Trần Thị Thu Thủy | Phản biện 1 |
| 3. TS. Bùi Khắc Hoài Phương | Phản biện 2 |
| 4. ThS. Nguyễn Thị Kim Phụng | Ủy viên |
| 5. ThS. Lê Khắc Hoài Thanh | Thư ký |

2. Ý kiến của Hội đồng nghiệm thu:

- Phản biện 1: TS. Trần Thị Thu Thủy đọc nhận xét (có văn bản kèm theo)
- Phản biện 2: TS. Bùi Khắc Hoài Phương đọc nhận xét (có văn bản kèm theo)
- Ý kiến thảo luận, bổ sung của thành viên Hội đồng: Học phần Thống kê kinh doanh cần có những chỉnh sửa về tính cân đối về thời gian phân bố đối với các nội dung kiến thức.

3. Kết luận của Hội đồng:

Về hình thức:

- Chương trình đã được soạn theo đúng mẫu quy định, trình bày rõ ràng dễ hiểu. Câu chữ chính xác, không có lỗi chính tả.
- Phân bố thời gian hợp lý với dung lượng kiến thức, cân đối giữa lý thuyết, bài tập, thảo luận.

Về nội dung:

- Mục tiêu học phần đã bám sát chuẩn đầu ra và chương trình đào tạo ngành Đại học Quản trị kinh doanh.
- Nội dung chương trình đảm bảo tính khoa học, chính xác, cơ bản, chú ý rèn luyện kỹ năng vận dụng kiến thức, kỹ năng thực hành, liên hệ thực tế cho sinh viên. Có khả năng đo lường, và thực hiện các hoạt động thu thập minh chứng cho việc đạt được mục tiêu học phần.

- Chương trình chi tiết đã mô tả kiến thức cơ bản, kỹ năng, giáo dục thái độ đáp ứng được yêu cầu đào tạo.
- Các tiêu chuẩn để đánh giá sinh viên đã thể hiện được mục tiêu trong từng tín chỉ và trong toàn bộ học phần, có khả năng phân loại được trình độ của sinh viên.
- Tuy nhiên cần xem xét thời lượng phân bố giữa các chương cho cân đối, thời lượng bài tập với môn này nên tăng lên ở từng chương.

Kết luận: Chương trình cần chỉnh sửa trước khi được nghiệm thu.

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG

Quảng Bình, ngày tháng năm 2021
THƯ KÝ

ThS. Phan Thị Thu Hà

Lê Khắc Hoài Thanh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG

1. TS. Bùi Khắc Hoài Phương
2. TS. Trần Thị Thu Thủy
3. Nguyễn Thị Kim Phụng

BẢN NHẬN XÉT ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Tên học phần: **THỐNG KÊ KINH DOANH (BUSINESS STATISTICS)**

Mã học phần: KTNLTK.009

Số tín chỉ: 03

Trình độ đào tạo: Đại học

Đối tượng đào tạo: Sinh viên Đại học ngành QTKD

Hệ chính quy

Nội dung nhận xét:

*** Về hình thức:**

Chương trình đã được soạn theo đúng mẫu quy định, trình bày rõ ràng dễ hiểu. Câu chữ chính xác, không có lỗi chính tả.

*** Về nội dung:**

- Mục tiêu học phần đã bám sát chuẩn đầu ra và chương trình đào tạo ngành Đại học QTKD.
- Nội dung chương trình đảm bảo tính khoa học, chính xác, phát huy năng lực của người học. Kiến thức cơ bản, kỹ năng mà học phần mô tả đáp ứng yêu cầu đào tạo
- Các tiêu chuẩn sử dụng để đánh giá sinh viên có thể hiện mức độ đạt được các mục tiêu trong từng học phần và phân loại được trình độ của sinh viên.
- Quy định các hình thức kiểm tra đã phù hợp
- Ma trận về mối quan hệ giữa CLO và PLO cần được điều chỉnh cho phù hợp với mục tiêu học phần.

Kết luận chung: Chương trình nên được chỉnh sửa trước khi nghiệm thu.

Quảng Bình, ngày tháng năm 2021

NGƯỜI NHẬN XÉT

TS. Trần Thị Thu Thủy

BẢN NHẬN XÉT ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Tên học phần: **THỐNG KÊ KINH DOANH (BUSINESS STATISTICS)**

Mã học phần: KTNLTK.009

Số tín chỉ: 03

Trình độ đào tạo: Đại học

Đối tượng đào tạo: Sinh viên Đại học ngành QTKD

Hệ chính quy

Nội dung nhận xét:

*** Về hình thức:**

Chương trình có hình thức trình bày rõ ràng, dễ hiểu, đúng mẫu quy định. Phân bố thời gian hợp lý với dung lượng kiến thức, cân đối giữa lý thuyết, bài tập, thảo luận. Tuy nhiên còn một số lỗi định dạng cần chỉnh sửa (trang bảng 3,4)

*** Về nội dung:**

- Mục tiêu học phần bám sát chuẩn đầu ra và chương trình đào tạo.
- Nội dung chương trình đảm tính khoa học, chính xác, phát huy năng lực của người học.
- Kiến thức cơ bản, kỹ năng mà học phần mô tả đáp ứng yêu cầu đào tạo, tuy nhiên diễn đạt trong phần kỹ năng cần điều chỉnh lại cho trôi chảy.
- Chương trình chi tiết đã mô tả kiến thức cơ bản, kỹ năng, giáo dục thái độ đáp ứng được yêu cầu đào tạo.
- Các tiêu chuẩn để đánh giá sinh viên đã thể hiện được mục tiêu trong từng tín chỉ và trong toàn bộ học phần, có khả năng phân loại được trình độ của sinh viên.
- Tuy nhiên cần xem xét lại thời lượng phân bổ cho các chương sao cho phù hợp hơn. Một số mục trong phần 12 cần điều chỉnh lại cho phù hợp theo như quy định thống nhất giữa CĐR và hình thức đánh giá.

Kết luận chung: Chương trình nên được chỉnh sửa trước khi nghiệm thu.

Quảng Bình, ngày tháng năm 2021

NGƯỜI NHẬN XÉT

TS. Bùi Khắc Hoài Phương